

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26-6-2020

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bùi Quốc Tuấn.

2. Ông: Trần Hữu Trung.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 572/2019/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Kiều Văn T, sinh năm 1981. Trú tại: khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* chị Dương Thị Cúc, sinh năm 1985. Trú tại: khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Kiều Văn T trình bày:

Anh và chị Dương Thị C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau thời gian chung sống với nhau hạnh phúc khoảng 7 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, luôn cãi vã và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Sau khi cãi nhau, năm 2012, chị C chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã A, thị xã Đ sinh sống. Kể từ thời điểm đó, anh chị ly thân. Nay thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không thể hàn gắn và chung sống với nhau được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Kiều Đức T, sinh ngày 27/6/2006 và Kiều Tài L, sinh ngày 04/10/2011. Anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không đề nghị chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về công nợ chung: không có.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn.

Theo kết quả xác minh tại gia đình ông Dương Công T (bố đẻ của chị Dương Thị C) có sự xác nhận của chính quyền địa phương xã A, thị xã Đ thể hiện: chị Dương Thị C và anh Kiều Văn T là vợ chồng đăng ký nhân khẩu thường trú tại khu B, phường H, thị xã Đ. Cuộc sống của vợ chồng T - C có mâu thuẫn, chị C chuyển về nhà ông từ năm 2012. Chị C vẫn cư trú tại địa phương nhưng đi làm công nhân khó nghĩ việc đến Tòa án làm việc. Việc Tòa án gửi các văn bản đến nhà ông T đã nhận trực tiếp và báo lại cho chị C biết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân thủ quy định pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Văn T về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa:

[1]*Về quan hệ tranh chấp:* anh Kiều Văn T có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với chị Dương Thị C và được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đây là vụ án “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]*Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo đúng trình tự và thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự tố tụng tại gia đình. Chị Dương Thị C đã được bố đẻ của chị là ông Dương Công T giao lại tất cả những văn bản tố tụng tòa án đã tổng đạt. Việc

chị C không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập là tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Anh Kiều Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]*Về tình cảm*: anh Kiều Văn T và chị Dương Thị C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau thời gian chung sống với nhau hạnh phúc khoảng 7 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, luôn cãi vã và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Sau khi cãi nhau, năm 2012, chị C chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã A, thị xã Đ sinh sống. Kể từ thời điểm đó, anh chị ly thân. Mặc dù, chị Dương Thị C không thể hiện quan điểm của mình tại Tòa án. Tuy nhiên, qua xác nhận tại gia đình và địa phương đã thể hiện thực tế cuộc hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng mà không thể hàn gắn được. Như vậy, mục đích chung sống giữa anh T và chị C không đạt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị C là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[4]*Về con chung*: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Kiều Đức T, sinh ngày 27/6/2006 và Kiều Tài L, sinh ngày 04/10/2011. Anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không đề nghị chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng này của anh T là hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của các con chung, và có căn cứ quy định tại điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5]*Về tài sản chung*: không có.

[6]*Về nợ chung*: không có.

[7]*Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với việc nuôi con chung sau ly hôn*: Anh Kiều Văn T và chị Dương Thị C thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định tại Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[8]*Về án phí*: anh Kiều Văn T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ

luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Kiều Văn T về việc ly hôn.

1. Về tình cảm: anh Kiều Văn T được ly hôn với chị Dương Thị C.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Kiều Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Kiều Đức T, sinh ngày 27/6/2006 và Kiều Tài L, sinh ngày 04/10/2011 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) kể từ tháng 6 năm 2020.

- Chị Dương Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: anh Kiều Văn T phải chịu 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

(*Anh Kiều Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004403, ngày 27/12/2019 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều*).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Bình